

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ**

**ĐỀ ÁN  
HỖ TRỢ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM VÀ GIẢM  
NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ**

*Đông Hà, tháng 3 năm 2021*

Số: 546 /ĐA-UBND

*Đông Hà, ngày 26 tháng 3 năm 2021*

**ĐỀ ÁN**

**Hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững  
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Đông Hà**

**Phần I**

**SỰ CẦN THIẾT ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN  
VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Trong những năm qua, công tác hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội quan tâm và được xem là một trong những giải pháp sáng tạo, mang tính nhân văn sâu sắc, phù hợp với thực tiễn, góp phần quan trọng trong việc thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, các mục tiêu, nhiệm vụ về giải quyết việc làm, giảm nghèo, phát triển nguồn lực, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, phát triển kinh tế; bên cạnh đó, các chính sách giảm nghèo bền vững cũng được triển khai thực hiện đồng bộ, đạt hiệu quả cao, đảm bảo người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo và các đối tượng khác được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Để cụ thể hóa các chính sách vay vốn giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 19/01/2017 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 40 - CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; Kế hoạch số 1983/KH-UBND ngày 29/12/2016 về thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Đông Hà, giai đoạn 2016 – 2020 và nhiều văn bản chỉ đạo khác... qua đó, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, nguồn vốn chính sách xã hội chưa ổn định, cơ cấu chưa hợp lý, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế của người dân. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo mặc dù đã giảm nhưng chưa thực sự bền vững, các chính sách hỗ trợ giảm nghèo thực hiện vẫn còn nhiều bất cập...; bên cạnh đó giai đoạn 2021 - 2025, chuẩn nghèo đa chiều thay đổi về cả tiêu chí thu nhập và các tiêu chí mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, vì vậy tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sẽ tăng so với giai đoạn trước.

Trước thực trạng trên, UBND thành phố xây dựng Đề án “Hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Đông Hà giai đoạn 2021- 2025 nhằm nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển

kinh tế - xã hội của thành phố theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đông Hà lần thứ XIII đã đề ra.

## **II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Ngân hàng chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 1032/UBND-VP ngày 13/6/2019 của UBND thành phố về việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn thành phố.

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 -2025;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đông Hà lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết HĐND thành phố Đông Hà khóa XI, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

## **Phần II**

### **ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT**

#### **I. VỀ HỖ TRỢ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM**

##### **1. Thực trạng về lao động**

Theo số liệu thống kê đến ngày 31/12/2019, tổng dân số của thành phố Đông Hà là 96.216 người, trong đó: nam: 47.762 người, chiếm tỷ lệ 49,64%; nữ: 48.454 người, chiếm 50,35%.

Thành phố Đông Hà có nguồn lao động dồi dào, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của thành phố là 45.810 người (nam: 24.031 người, nữ: 21.779 người), trong đó: Lực lượng lao động trong độ tuổi là 37.821 người (nam: 20.937 người; nữ: 16.884 người), được phân ra như sau:

- Số lao động có việc làm từ 15 tuổi trở lên là 44.676 người (nam: 23.389 người; nữ: 21.287 người), trong đó số lao động có việc làm trong độ tuổi lao động là 36.738 người (nam: 20.324 người; nữ: 16.414 người).

- Số lao động thất nghiệp từ 15 tuổi trở lên là 1.134 người (nam: 642 người; nữ: 492 người), trong đó số lao động thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 1.083 người (nam: 613 người; nữ: 470 người).

## **2. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ nguồn vốn vay giải quyết việc làm giai đoạn 2015-2020**

### *2.1. Thực trạng nguồn vốn vay giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố giai đoạn 2015-2020*

Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Trị thực hiện cho vay qua các nguồn ngân sách đó là: Ngân sách Trung ương từ Quỹ Quốc gia về việc làm, nguồn vốn NHCSXH huy động được Chính phủ cấp bù lãi suất và nguồn nhận ủy thác từ ngân sách tỉnh, thành phố để cho vay giải quyết việc làm. Trong giai đoạn 2015-2020, đã giải quyết cho 1.444 lượt khách hàng, với doanh số cho vay là 24.050 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn quỹ Quốc gia việc làm là 500 triệu đồng;
- Nguồn vốn Ngân hàng chính sách huy động là 10.800 triệu đồng;
- Nguồn ngân sách Tỉnh là 9.950 triệu đồng, trong đó: giai đoạn 2015 - 2020 là 9.450 triệu đồng; 02/2021 là 500 triệu đồng;
- Ngân sách thành phố là 2.800 triệu đồng, trong đó: giai đoạn 2015 - 2020 là 2.200 triệu đồng; 02/2021 là 600 triệu đồng.

*(Kèm theo bảng tổng hợp chi tiết cụ thể tại Bảng biểu số 2)*

### *2.2. Kết quả thực hiện vay vốn trên địa bàn*

Chương trình vay vốn giải quyết việc làm đã bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố từng bước mang lại hiệu quả thiết thực, nguồn vốn vay chủ yếu cho vay trực tiếp người lao động ủy thác thông qua các Hội đoàn thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận nguồn vốn vay để phát triển sản xuất, kinh doanh như: kinh doanh buôn bán, dịch vụ, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, gia công cơ khí, mộc mỹ nghệ... Qua đó, đảm bảo nguồn vốn sử dụng đúng mục đích, mang lại hiệu quả cao, giúp cho người lao động chủ động phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống.

### *2.3. Công tác kiểm tra, giám sát nguồn vốn vay*

Để đảm bảo nguồn vốn vay đúng mục đích, trong những năm qua, UBND thành phố đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn vay đối với hộ vay và các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố. Qua kiểm tra cho thấy, hầu hết các dự án cho vay đúng đối tượng, các hộ dân đã sử dụng nguồn vốn được vay để mở rộng sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả thiết thực, tạo việc làm để tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.

#### 2.4. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền, vận động của Hội đoàn thể, tổ tiết kiệm và vay vốn chưa thực sự hiệu quả dẫn đến việc tiếp cận các quy định pháp luật về các nguồn vốn vay chưa kịp thời.

- Việc cho vay vốn từ quỹ quốc gia về việc làm trên địa bàn thành phố vẫn gặp không ít khó khăn, đó là: Nguồn vốn vay còn hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu vay của người dân; việc vay vốn chỉ tập trung ở các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ, lẻ, trong khi đó các cơ sở sản xuất kinh doanh thu hút nhiều lao động (doanh nghiệp vừa) có nhu cầu vay vốn để mở rộng sản xuất nhưng nguồn vốn chưa đáp ứng nhu cầu để mở rộng sản xuất.

- Công tác phối hợp của các cơ quan, đơn vị liên quan với ngân hàng chính sách xã hội trong việc giám sát quá trình sử dụng nguồn vốn chưa được thường xuyên, hiệu quả thực hiện chưa cao.

## II. VỀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO

### 1. Thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố Đông Hà giai đoạn 2016 - 2020

Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Đầu năm 2016, thành phố Đông Hà có 21.688 hộ dân, trong đó hộ nghèo là 1.064 hộ, chiếm tỷ lệ 5,0%; hộ cận nghèo là 1.691 hộ, chiếm tỷ lệ 7,93% so với tổng số hộ dân cư trên địa bàn.

Đến đầu năm 2021, thành phố Đông Hà có 24.004 hộ dân, trong đó: hộ nghèo là 429 hộ, chiếm tỷ lệ 1,79%; số hộ cận nghèo 1.567 hộ, chiếm tỷ lệ 6,53%. Số hộ nghèo có thành viên thuộc đối tượng BTXH là 146 hộ, chiếm tỷ lệ 34,03%; không có thành viên hộ nghèo thuộc chính sách người có công. Hộ nghèo được phân theo 02 nhóm, gồm: nhóm 1: hộ nghèo về thu nhập; nhóm 2: hộ nghèo thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản. Về mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo (*Kèm theo bảng tổng hợp chi tiết tại Bảng biểu số 3, số 4*)

### 2. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo giai đoạn 2016 -2020

#### 2.1. Kết quả đạt được

- Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm: Trong giai đoạn 2016 -2020, đã tổ chức mở 66 lớp dạy nghề cho 1.295 lao động, trong đó có 96 lao động thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo; tạo việc làm mới cho 8.982 lao động, trong đó: Giải quyết tại chỗ: 6.905 lao động; lao động ngoài tỉnh: 1.681 người; xuất khẩu lao động: 396 người. Với chính sách dạy nghề miễn phí cho người lao động, nhất là người nghèo, người cận nghèo đã giúp cho người lao động nâng cao tay nghề, đáp ứng nhu cầu làm việc của thị trường, có việc làm và thu nhập.

- Công tác chăm lo sức khỏe cho người nghèo, cận nghèo luôn được quan tâm triển khai thực hiện, người nghèo, người cận nghèo được cấp thẻ BHYT kịp thời đảm bảo quyền lợi trong việc khám, chữa bệnh. Trong 5 năm, đã cấp 13.060

thẻ BHYT cho người nghèo với số tiền 8.299 triệu đồng; 34.029 thẻ BHYT cho người cận nghèo, với số tiền 20.660 triệu đồng.

- Nhằm tạo cơ hội cho con hộ nghèo có điều kiện hơn trong học tập, các chính sách miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học được triển khai đồng bộ và thực hiện có hiệu quả. Tổng số học sinh được miễn, giảm học phí học tập là 5.494 lượt học sinh, với số tiền 10.053 triệu đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho con hộ nghèo là 3.199 lượt học sinh, với số tiền 2.064 triệu đồng;

- Thực hiện tốt chính sách vay vốn đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Trong giai đoạn 2016 - 2020, đã giải quyết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng khác là 5.566 lượt khách hàng, với doanh số cho vay 240.704 triệu đồng.

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo đã góp phần giúp người nghèo an tâm trong cuộc sống. Trong 5 năm, đã hỗ trợ 4.068 lượt hộ nghèo với số tiền 2.039 triệu đồng.

- Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo: Từ quỹ “Ngày vì người nghèo” của thành phố đã hỗ trợ xây dựng 93 nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, với số tiền 3.500 triệu đồng; hỗ trợ sửa chữa 43 nhà, với số tiền 4.005 triệu đồng; các Hội, đoàn thể hỗ trợ xây dựng 19 mái ấm tình thương cho hộ nghèo, với số tiền 731,5 triệu đồng (Hội LHPN hỗ trợ xây dựng 17 nhà, với số tiền 631,5 triệu đồng; Hội Cựu Chiến binh hỗ trợ xây dựng 01 nhà, với số tiền 40 triệu đồng; đoàn thanh niên hỗ trợ 01 nhà, với số tiền 60 triệu đồng); sửa chữa 03 nhà, với số tiền 55 triệu đồng.

- Hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo: thông qua nguồn xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn đã tổ chức thăm, tặng quà cho người nghèo nhân dịp lễ, tết nguyên đán; hỗ trợ cho vay xây nhà tiêu hợp vệ sinh đối với các đối tượng khó khăn trong đó có hộ nghèo, hộ cận nghèo, đảm bảo có điều kiện sinh hoạt. Trong giai đoạn 2016 - 2020 đã hỗ trợ cho vay 60 hộ, với số tiền 240 triệu đồng; hỗ trợ 04 con bò giống, 6.260 con gà giống, 45 con lợn giống, 200 phôi nầm sò và các vật dụng làm nghề như: ghe đánh cá, máy uốn tóc, máy may, xe đạp, bàn ghế nhựa, máy ép nước mía... cho hội viên hội phụ nữ nghèo, với số tiền 251 triệu đồng.

Việc triển khai thực hiện các giải pháp, các chính sách giảm nghèo đã góp phần giúp người nghèo, người cận nghèo an tâm ổn định cuộc sống; các cấp chính quyền, UBNDTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội từ thành phố đến phường đã làm tốt từ công tác tuyên truyền đến thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với người nghèo, người cận nghèo đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, tạo sự đồng thuận trong nhân dân. Với nhiều giải pháp tích cực, kết quả tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm vượt chỉ tiêu, Nghị quyết HĐND thành phố đề ra, hộ nghèo giảm từ 5,0% đầu năm 2016 xuống còn 1,79% đầu năm 2021, (tương đương từ 1.064 hộ đầu năm 2016 xuống còn 429 hộ đầu năm 2021), giảm 3,21% (tương đương 635 hộ); hộ cận nghèo giảm từ 7,93% đầu năm 2016 xuống còn 6.53% đầu năm 2021 (tương đương giảm từ 1.691 hộ đầu năm 2016 xuống còn 1.567 hộ đầu năm 2021), giảm 1,4% (tương đương 124 hộ).

## 2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

### 2.2.1. Tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền tuy đã được triển khai tích cực nhưng hiệu quả chưa cao. Một số cán bộ, đảng viên và người dân chưa nhận thức đầy đủ về trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ trong việc thực hiện các chính sách giảm nghèo.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền ở cơ sở chưa thực sự quyết liệt trong việc chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo. Công tác phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể cấp cơ sở thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo còn hạn chế; việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm ở một số phường còn thiếu chặt chẽ nên chưa phản ánh chính xác được tình hình thực tế, nguyên nhân nghèo và nhu cầu trợ giúp làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách trợ giúp, đỡ đầu hộ nghèo.

- Công tác huy động các nguồn lực đã được đẩy mạnh, tuy nhiên nguồn lực huy động trong giai đoạn chưa đáp ứng được nhu cầu của địa phương; Việc phối hợp và lồng ghép các nguồn lực từ người dân, từ các tổ chức, từ Ngân hàng chính sách xã hội chưa chặt chẽ làm giảm hiệu quả thực hiện các chính sách giảm nghèo.

- Về mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo vẫn còn hạn chế như: chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở, hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh, sử dụng dịch vụ viễn thông...

- Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, mặc dù tỷ lệ hộ nghèo giảm nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu; mức sống của hộ nghèo và hộ cận nghèo khác biệt không đáng kể (tập trung ở Phường 4); số người mắc bệnh nan y, hiểm nghèo ngày càng nhiều, thu nhập dưới ngưỡng nghèo, cận nghèo nên dẫn đến khả năng tái nghèo cao.

### 2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

- Công tác giảm nghèo đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tuy nhiên một số địa phương chưa ban hành được chương trình/ quy chế phối hợp giữa chính quyền và Mặt trận, đoàn thể trong thực hiện công tác giảm nghèo, chưa phân công cụ thể trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể và thành viên của Ban giảm nghèo trong việc hỗ trợ, giúp đỡ thoát nghèo mà chủ yếu giao cho cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo thực hiện.

- Cán bộ làm công tác giảm nghèo các Phường đều kiêm nhiệm, thực hiện nhiệm vụ theo chức danh công chức văn hóa - xã hội, do đó khối lượng công việc lớn phần nào ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu công tác giảm nghèo. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới những sai sót trong việc điều tra, rà soát hộ nghèo cũng như một số sai phạm trong triển khai chính sách giảm nghèo trong thời gian qua.

- Một số hộ nghèo vẫn còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, ý thức tự vươn lên tìm kiếm việc làm ổn định để thoát nghèo chưa cao, vẫn còn tồn tại suy nghĩ không muốn thoát nghèo để hưởng cơ chế, chính sách.

- Số hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo cao, tập trung vào những hộ già yếu không có khả năng lao động, hộ có người ốm đau dài ngày, hộ có người bị bệnh nan y, hiểm nghèo, hộ có người mắc tệ nạn xã hội, hộ bảo trợ xã hội.

- Nguồn lực của địa phương, của bản thân hộ nghèo tham gia đối ứng cùng với ngân sách hỗ trợ của nhà nước thấp hoặc chưa có.

- Thành phố Đông Hà không được phân bổ nguồn lực để thực hiện một số dự án thuộc thành phần của Chương trình mục tiêu giảm nghèo và một số chính sách khác như: hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo...

Trước thực trạng những khó khăn trên, yêu cầu cần đề ra mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và giải pháp phù hợp để thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Đông Hà giai đoạn 2021 - 2025.

### **Phần III**

## **MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**

### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

#### **1. Thuận lợi**

- Đông Hà là thành phố trung tâm của tỉnh Quảng Trị, dự báo trong những năm tới tình hình kinh tế phát triển ổn định, thu hút nhiều nguồn lực từ các doanh nghiệp vào đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh (tập trung ở khu công nghiệp Nam Đông Hà) tạo ra nhiều cơ hội giúp người dân mở rộng quy mô phát triển sản xuất; các chính sách hỗ trợ của Nhà nước ngày càng mở rộng đến các đối tượng thụ hưởng.

- Chương trình hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững luôn được các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội quan tâm và xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm thúc đẩy việc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong những năm tiếp theo.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ dân ngày càng có ý thức trong việc tự tìm tòi học hỏi cách thức làm ăn mới, tận dụng các cơ hội và sử dụng có hiệu quả chương trình hỗ trợ vay vốn việc làm.

- Việc ban hành Quyết định về chuẩn nghèo đa chiều được quy định rõ ràng, bao quát hơn, dễ dàng đánh giá được mức độ thay đổi các nhu cầu dịch vụ xã hội cơ bản của người dân, làm cơ sở cho việc xây dựng các chính sách giảm nghèo cụ thể cho từng nhóm đối tượng thiếu hụt ở mỗi địa phương.

- Hộ nghèo, người nghèo ngày càng có ý thức tự phấn đấu vươn lên thoát nghèo, đã chủ động vay vốn mở rộng phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống.

#### **2. Khó khăn**



Bên cạnh những thuận lợi trong thời gian tới, công tác vay vốn giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập đó là:

- Thành phố Đông Hà hiện nay có trên 1.850 doanh nghiệp chủ yếu kinh doanh vừa và nhỏ, nguồn lao động dồi dào, với điều kiện phát triển của thị trường hiện nay, đòi hỏi phải có nguồn vốn để mở rộng phát triển sản xuất, kinh doanh, trong khi đó nguồn vốn cho vay còn hạn chế, chủ yếu cho vay các mô hình nhỏ, lẻ, chưa đáp ứng đủ nhu cầu của người lao động cũng như cơ sở sản xuất kinh doanh để hoạt động, phát triển kinh tế.

- Năm 2021, hộ nghèo và các chính sách giảm nghèo vẫn được tiếp tục thực hiện theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020, theo kết quả điều tra, mặc dù số hộ nghèo của thành phố chỉ còn 429 hộ, tuy nhiên có đến 34,03% (146 hộ) hộ nghèo bảo trợ xã hội, đây là nhóm gần như không thể thoát nghèo. Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ về quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 thì chuẩn nghèo đa chiều thay đổi, theo đó tiêu chí về thu nhập tăng, tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản có thay đổi và bổ sung như: việc làm, người phụ thuộc, dinh dưỡng, sử dụng dịch vụ viễn thông... đây là những tiêu chí có tác động trực tiếp và dự báo sẽ làm tăng số lượng và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong những năm tiếp theo.

- Mặc dù chỉ số thiếu hụt khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản bình quân/hộ nghèo giảm, tuy nhiên một số chỉ số thiếu hụt lại tăng so với đầu giai đoạn đây chính là những thách thức đối với công tác giảm nghèo trong giai đoạn 2021-2025.

- Tỷ lệ hộ nghèo không có sức lao động (già yếu, neo đơn) chiếm tỷ lệ cao 20,28% (87 hộ) trên tổng số hộ nghèo không có điều kiện thoát nghèo thoát nghèo nếu không có sự trợ giúp của cộng đồng xã hội.

- Một bộ phận người dân vẫn chưa thực sự quan tâm đến việc nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức tự giác tìm kiếm việc làm nhằm nâng cao thu nhập để vươn lên thoát nghèo.

Xuất phát từ thực trạng việc làm và hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm từ năm 2015 - 2020 và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn thành phố Đông Hà; căn cứ các văn bản của Trung ương, của Tỉnh; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII của thành phố Đông Hà và tình hình thực tế của địa phương, UBND thành phố xác định mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Đông Hà giai đoạn 2021- 2025 cụ thể như sau:

## **II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Đối với hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm**

#### *1.1. Mục tiêu chung*

Đẩy mạnh các nguồn vốn vay, tập trung vào các mô hình làm ăn có hiệu quả, đảm bảo giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. Phần

đầu hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng kế hoạch tín dụng và huy động vốn được Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh giao.

### *1.2. Mục tiêu cụ thể*

- Phấn đấu đến năm 2025, từ nguồn vốn hỗ trợ cho vay tạo việc làm mới cho trên 880/9.250 lao động (bình quân giải quyết trên 176/1.850 lao động/năm).

- Phấn đấu đến năm 2025 ngân sách thành phố uỷ thác qua Ngân hàng chính sách cho vay với tổng số tiền là 2.600 triệu đồng (mỗi năm tăng trưởng thêm 500 triệu đồng).

- Phấn đấu tỷ lệ thu lãi hàng năm đạt trên 99% lãi phải thu.

## **2. Đối với giảm nghèo bền vững**

### *2.1. Mục tiêu chung*

- Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập cho người dân; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản như: Việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin...

### *2.2. Mục tiêu cụ thể*

- Phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 2% theo tiêu chuẩn giai đoạn mới (bình quân 3 năm đầu 2021 - 2023 giảm từ 0,5 - 1%; 2 năm sau 2024 - 2025 giảm trên 0,3 %). Phấn đấu đến năm 2025 có 1 - 2 phường không còn hộ nghèo (trừ hộ nghèo bảo trợ xã hội).

- 100% số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu về vay vốn sản xuất - kinh doanh được xét duyệt cho vay tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận và hỗ trợ các chính sách an sinh xã hội như: bảo hiểm y tế, giáo dục, dạy nghề, vay vốn, trợ giúp pháp lý, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin...

- 100% hộ nghèo được tiếp cận nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 95% hộ nghèo có nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Mỗi năm có 5 - 10 lao động tham gia làm việc có thời hạn ở nước ngoài, góp phần tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo được tập huấn về khuyến nông-lâm-ngư, chuyển giao khoa học kỹ thuật, kiến thức vào sản xuất.

- Xóa nhà ở xuống cấp cho hộ nghèo, bình quân hỗ trợ 15 - 20 nhà/năm.

## **III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

### **1. Đối với hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm**

#### *1.1. Đối tượng*

Các cơ sở sản xuất kinh doanh; người lao động trên địa bàn thành phố.

#### *1.2. Phạm vi*

Đề án được thực hiện trên phạm vi toàn thành phố Đông Hà.

1.3. Thời gian thực hiện Đề án: Từ năm 2021 đến cuối năm 2025.

## **2. Đối với Giảm nghèo bền vững**

### *2.1. Đối tượng*

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn thành phố; trong đó, ưu tiên người nghèo là người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ, trẻ em và đối tượng người có công.

### *2.2. Phạm vi*

Đề án được thực hiện trên phạm vi toàn thành phố Đông Hà.

2.3. Thời gian thực hiện Đề án: Từ năm 2021 đến cuối năm 2025.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

### **1. Hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm giai đoạn 2021 - 2025**

#### *1.1. Nguồn vốn vay giải quyết việc làm đối với người lao động*

Dự kiến đến năm 2025, dân số thành phố Đông Hà tăng, theo đó lực lượng trong độ tuổi lao động khoảng 45.000 người, trong đó lao động thất nghiệp trong độ tuổi khoảng 2.000 người, vì vậy nhu cầu vay vốn ngày càng cao. Dự kiến đến năm 2025, nhu cầu doanh số vay là 81.200 triệu đồng (bình quân 100 triệu đồng/khách hàng), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 21.300 triệu đồng;
- Ngân hàng chính sách xã hội huy động: 29.800 triệu đồng;
- Ngân sách Tỉnh: 19.100 triệu đồng;
- Ngân sách thành phố: 11.000 triệu đồng.

*(Kèm theo bảng tổng hợp chi tiết tại Bảng biểu số 5)*

#### *1.2. Về nguồn vốn giải quyết việc làm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh*

Hiện nay, tổng số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố là 1.850 doanh nghiệp, chủ yếu sản xuất kinh doanh nhỏ, lẻ, nguồn vốn chưa đủ để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Dự kiến giai đoạn 2021 - 2025, doanh số cho vay là 6.800 triệu đồng (mức hỗ trợ vay bình quân 200 triệu đồng/doanh nghiệp, tạo việc làm cho 02 lao động), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.200 triệu đồng;
- Ngân hàng chính sách xã hội huy động: 1.6 triệu đồng;
- Ngân sách Tỉnh: 1.600 triệu đồng;
- Ngân sách thành phố: 1.400 triệu đồng.

*(Kèm theo bảng tổng hợp chi tiết tại Bảng biểu số 5)*

1.3. Cơ chế cho vay: Thực hiện theo quy trình và thủ tục của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh về cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng

việc làm thực hiện theo Hướng dẫn số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Ngân hàng chính sách xã hội.

#### 1.4. Về tổ chức quản lý và sử dụng nguồn vốn

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Nguồn vốn tạo lập từ ngân sách thành phố theo Đề án; phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch đề xuất phân bổ nguồn vốn và giao chỉ tiêu thực hiện cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên cơ sở nguồn vốn được phân bổ, tham mưu Trưởng Ban đại diện giao về các phường, phối hợp với các Hội ủy thác (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh) thực hiện họp bình xét cho vay tại các địa bàn dân cư, khu phố đảm bảo tính công khai, dân chủ, minh bạch. Tiến hành giải ngân kịp thời, tránh để lãng phí vốn. Đề xuất các giải pháp hiệu quả để triển khai cho vay, thu hồi vốn, nhất là nợ quá hạn, đảm bảo bảo toàn vốn. Thực hiện công tác báo cáo, thống kê kịp thời theo định kỳ và đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các phường chỉ đạo Khu phố trưởng chứng kiến họp bình xét cho vay, thường xuyên kiểm tra, giám sát nguồn vốn vay.

- Hội đoàn thể (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh) các cấp: Tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách việc làm, nhất là nguồn vốn vay giải quyết việc làm đến tận hội viên, đoàn viên; vận động hộ vay chấp hành tốt các quy định khi vay vốn; giới thiệu các mô hình phát triển kinh tế do hội viên mình thực hiện. Kết hợp chuyển giao khoa học công nghệ qua các lớp đào tạo, tập huấn do Hội thực hiện.

1.5. Kinh phí thực hiện: Dự kiến giai đoạn 2021 - 2025, tổng kinh phí thực hiện là 88.000 triệu đồng (bình quân 17.600 triệu đồng/năm), cụ thể:

- Ngân sách Trung ương: 23.500 triệu đồng, trong đó:

+ Nhu cầu vay vốn đối với người lao động: 21.300 triệu đồng;

+ Nhu cầu vay vốn đối với cơ sở sản xuất kinh doanh: 2.200 triệu đồng.

- Ngân sách Ngân hàng chính sách huy động: 31.400 triệu đồng, trong đó:

+ Nhu cầu vay vốn đối với người lao động: 29.800 triệu đồng;

+ Nhu cầu vay vốn đối với cơ sở sản xuất kinh doanh: 1.600 triệu đồng.

- Ngân sách Tỉnh: 20.700 triệu đồng;

+ Nhu cầu vay vốn đối với người lao động: 19.100 triệu đồng;

+ Nhu cầu vay vốn đối với cơ sở sản xuất kinh doanh: 1.600 triệu đồng.

- Ngân sách thành phố: 12.400 triệu đồng, trong đó: nguồn vốn thu hồi quay vòng là 4.400 triệu đồng, nguồn vốn dự kiến thực hiện theo Đề án là 8.000 triệu đồng, cụ thể:

+ Nhu cầu vay vốn đối với người lao động: 11.000 triệu đồng;

+ Nhu cầu vay vốn đối với cơ sở sản xuất kinh doanh: 1.400 triệu đồng.

Vậy, ngân sách thành phố bổ sung thực hiện hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm giai đoạn 2021 - 2025 là 8.000 triệu đồng (Tám tỷ đồng).

## 2. Về giảm nghèo bền vững

2.1. *Hỗ trợ vay vốn đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo*: Thực hiện kịp thời các chính sách tín dụng ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách tiếp cận để vay vốn phục vụ phát triển sản xuất nhằm ổn định cuộc sống vươn lên thoát nghèo. Dự kiến đến năm 2025 từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ 2.000 lượt hộ nghèo vay vốn, với số tiền 200.000 triệu đồng; 6.000 lượt hộ cận nghèo vay vốn, với số tiền 600.000 triệu đồng; 1.140 lượt hộ thoát nghèo được vay vốn, với số tiền 114.000 triệu đồng (mức hỗ trợ vay 100 triệu đồng/hộ); 1.260 lượt học sinh, sinh viên, với số tiền 31.500 triệu đồng (mức hỗ trợ vay 25 triệu đồng/người); 120 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn xuất khẩu lao động, với số tiền 12.000 triệu đồng (mức hỗ trợ vay 100 triệu đồng/hộ).

2.2. *Hỗ trợ về giáo dục*: Tăng tỷ lệ trẻ em đến trường đúng độ tuổi theo từng cấp học, giảm tỷ lệ bỏ học; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tốt cho việc dạy học. Dự kiến đến năm 2025 từ nguồn ngân sách Trung ương có 5.000 lượt học sinh nghèo được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định với số tiền 4.500 triệu đồng (bình quân 900.000 đồng/cháu/năm học); 3.000 lượt học sinh con hộ cận nghèo được giảm học phí theo quy định, với số tiền 1.350 triệu đồng (hỗ trợ 50% tiền học phí); 2.000 lượt trẻ em mẫu giáo thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ tiền ăn trưa, với số tiền 2.880 triệu đồng (bình quân 1.440.000đ/trẻ/năm học).

2.3. *Hỗ trợ về y tế*: Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cấp thẻ BHYT cho người nghèo, người cận nghèo; thực hiện việc khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, người cận nghèo. Dự kiến đến năm 2025, từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ cấp 9.000 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo với số tiền 7.241 triệu đồng; 35.000 thẻ bảo hiểm y tế cho người cận nghèo với số tiền 28.161 triệu đồng.

2.4. *Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo*: Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo đảm bảo cho hộ nghèo tiếp cận đầy đủ và sử dụng điện chiếu sáng phục vụ cho sinh hoạt. Dự kiến giai đoạn 2021 - 2025, từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ 3.800 lượt hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện với số tiền 2.098 triệu đồng (mức hỗ trợ 46.000 đồng/tháng).

*(Kèm theo bảng tổng hợp chi tiết cụ thể tại Bảng biểu số 6)*

2.5. *Dạy nghề cho người nghèo, người cận nghèo*: Thực hiện tốt chính sách đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động trên địa bàn thành phố, nhất là lao động nghèo; ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị các cơ sở dạy nghề, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên đáp ứng công tác dạy nghề cho lao động; gắn dạy nghề với tạo việc làm cho lao động nghèo. Dự kiến đến năm 2025 từ nguồn ngân sách thành phố tổ chức 20 lớp dạy nghề cho 600 hộ nghèo, hộ cận nghèo với số tiền dạy nghề là 936 triệu đồng (bình quân 187,2 triệu đồng/năm).

2.6. *Tập huấn khoa học kỹ thuật cho hộ nghèo, hộ cận nghèo*: Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức và kỹ năng về khuyến nông, lâm, ngư nghiệp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; giới thiệu các mô hình kinh tế có hiệu quả nhằm thay đổi sự chuyển biến nhận thức trong hộ nghèo, hộ cận nghèo. Dự kiến đến 2025, từ nguồn ngân sách thành phố tổ chức tập huấn cho 5.600 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo với số tiền 981 triệu đồng.

2.7. *Hỗ trợ người nghèo tham gia xuất khẩu lao động (học tiếng, ăn, ở, đi lại)*: dự kiến giai đoạn 2021 - 2025, từ nguồn ngân sách thành phố hỗ trợ 25 lao động với số tiền 147,5 triệu đồng (bình quân 5.900.000 đồng/người).

2.8. *Truyền thông về giảm nghèo bền vững*: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo; huy động nguồn lực để thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững; đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân, nhất là người nghèo, người cận nghèo. Dự kiến đến năm 2025, từ nguồn ngân sách thành phố tổ chức 45 cuộc truyền thông giảm nghèo đối với hộ nghèo trên địa bàn thành phố với số tiền là 1.088 triệu đồng; in 4.500 tờ rơi, làm 27 băng đĩa và 09 bài viết về các chính sách giảm nghèo với số tiền 54,9 triệu đồng. Tổng kinh phí để thực hiện truyền thông giảm nghèo là 1.143 triệu đồng.

2.9. *Hỗ trợ tập huấn nâng cao năng lực, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo*: Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở để thực hiện tốt nhiệm vụ. Dự kiến đến năm 2025, từ nguồn ngân sách thành phố tổ chức 05 đợt tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo với số tiền 65,25 triệu đồng (bình quân 13,06 triệu đồng/đợt); 45 cuộc kiểm tra, giám sát, với số tiền 162,1 triệu đồng (bình quân 3,602 triệu đồng/cuộc).

2.10. *Điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo*: Triển khai thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn, đảm bảo chính xác, đúng đối tượng, làm cơ sở thực hiện các giải pháp hỗ trợ, giúp đỡ, đỡ đầu hộ nghèo để thoát nghèo bền vững. Dự kiến giai đoạn 2021 - 2025, tổ chức 05 lớp tập huấn điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, với số tiền 65,25 triệu đồng (bình quân 13,06 triệu đồng/đợt); tổ chức 05 đợt điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, với số tiền 537,91 triệu đồng.

2.11. *Tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025*

Tổ chức sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố; khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác giảm nghèo đảm bảo đúng quy định. Dự kiến giai đoạn 2021 - 2025, tổ chức 02 cuộc sơ kết, tổng kết Chương trình mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn thành phố với số tiền 26,1 triệu đồng (bình quân 13,05 triệu đồng/cuộc).

(Kèm theo bảng tổng hợp chi tiết tại bảng Biểu số 7)

### 2.12. Hỗ trợ nhà ở và các chính sách khác cho hộ nghèo

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, thông qua quỹ “Ngày vì người nghèo”, nguồn huy động từ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; kêu gọi các mạnh thường quân hỗ trợ giúp đỡ, đỡ đầu hộ nghèo. Dự kiến đến năm 2025, từ nguồn vận động quỹ “Ngày vì người nghèo” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố xây dựng 100 nhà cho hộ nghèo, với số tiền 4.000 triệu đồng (bình quân 40 triệu đồng/nhà); nguồn xã hội hóa các phường sửa chữa cho 90 nhà ở xuống cấp với số tiền 1.080 triệu đồng (bình quân 12 triệu đồng/nhà).

- Hỗ trợ hộ nghèo neo đơn hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: Dự kiến đến năm 2025, từ nguồn xã hội hóa các cấp hỗ trợ 109 lượt hộ nghèo với số tiền 654 triệu đồng (bình quân hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng).

- Hỗ trợ hộ nghèo thuộc diện chính sách Người có công (không có sức lao động): Dự kiến đến năm 2025, vận động hỗ trợ 05 hộ từ nguồn quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” với số tiền 18 triệu đồng (bình quân hỗ trợ 300.000 đồng/người/tháng)

(Kèm theo bảng tổng hợp chi tiết tại bảng Biểu số 8)

2.13. Về tiếp cận thông tin: Nâng cấp hệ thống loa truyền thanh ở phường, khu phố; thực hiện đa dạng hóa các hoạt động thông tin tuyên truyền, đảm bảo 100% người nghèo, người cận nghèo tiếp cận được các chính sách giảm nghèo, nhất là các chính sách mới liên quan đến quyền lợi của người nghèo để thực hiện có hiệu quả, đúng mục đích, đối tượng.

2.14. Kinh phí thực hiện: Dự kiến giai đoạn 2021 - 2025, tổng kinh phí thực hiện là 1.013.480,86 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương, tỉnh: 1.003.730 triệu đồng;
- Ngân sách thành phố: 3.998,86 triệu đồng, trong đó:
  - + Dạy nghề: 936 triệu đồng;
  - + Tập huấn khoa học kỹ thuật: 981 triệu đồng;
  - + Hỗ trợ hộ nghèo tham gia xuất khẩu lao động: 147,5 triệu đồng;
  - + Truyền thông giảm nghèo: 1.143 triệu đồng.
  - + Tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo: 65,25 triệu đồng.
  - + Kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu giảm nghèo: 162,1 triệu đồng.
  - + Điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: 537,91 triệu đồng.
  - + Sơ kết, tổng kết Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững: 26,1 triệu đồng.
- Nguồn xã hội hóa các cấp: 5.752 triệu đồng, trong đó:
  - + Nguồn xã hội hóa hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo: 5.080 triệu đồng, trong đó: Ngân sách xã hội hóa thành phố là 4.000 triệu đồng; ngân sách xã hội hóa các phường (sửa chữa nhà cho hộ nghèo) là 1.080 triệu đồng.

+ Nguồn xã hội hóa thành phố từ quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” hỗ trợ cho hộ nghèo thuộc chính sách Người có công: 18 triệu đồng;

+ Nguồn xã hội hóa hỗ trợ cho hộ nghèo (neo đơn, già yếu) là 654 triệu đồng.

Vậy, ngân sách thành phố bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 là 3.998,86 triệu đồng (Ba tỷ chín trăm chín mươi tám triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

## **V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Về hỗ trợ giải quyết việc làm**

#### **1.1. Nhiệm vụ**

- Nâng cao hiệu quả công tác cho vay, nhất là đối với chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, người lao động nhằm duy trì và mở rộng việc làm, tăng thu nhập hộ gia đình, đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương, đảm bảo bảo toàn vốn Ngân sách.

- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết của UBMTTQVN thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác kiểm tra, giám sát vốn vay cũng như nguồn ngân sách, đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ và công bằng xã hội.

#### **1.2. Giải pháp**

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về nguồn vốn vay kịp thời đến với hộ dân nhằm tiếp cận đầy đủ các chính sách, quy định, quy trình và thủ tục hồ sơ để thực hiện vay vốn. Mặt khác, nâng cao nhận thức, phát huy và sử dụng hiệu quả nguồn vay đúng mục đích, tuân thủ nguyên tắc quy định, đảm bảo nguồn vốn được quay vòng giúp doanh nghiệp, người lao động an tâm phát triển ngành nghề đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan với Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Trị trong việc nâng cao chất lượng hoạt động cho vay; lồng ghép có hiệu quả chương trình khuyến nông, khuyến ngư với hoạt động cho vay nhằm đảm bảo hiệu quả thiết thực nguồn vốn vay cũng như mục đích sử dụng nguồn vốn đối với hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Nhân rộng các mô hình hỗ trợ cho vay phát triển kinh tế có hiệu quả cao, tạo việc làm cho người lao động để tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến người dân để thực hiện. Huy động các nguồn vốn vay hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh, người lao động để phát triển kinh tế.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng và quản lý nguồn vốn vay đối với các cơ sở vay, người lao động đảm bảo hiệu quả nguồn vốn.

### **2. Về giảm nghèo bền vững**

#### **2.1. Nhiệm vụ**

- Tập trung thực hiện có hiệu quả về các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững; thực hiện tốt Chương trình phối hợp giảm nghèo giữa các cấp chính quyền



và các hội, đoàn thể từ thành phố đến phường, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt và vượt Nghị quyết HĐND thành phố đề ra.

- Thực hiện đồng bộ, toàn diện, có hiệu quả các cơ chế, chính sách giảm nghèo để cải thiện đời sống và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo, người cận nghèo về việc làm, BHYT, dinh dưỡng, giáo dục, dạy nghề, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin...

- Tổ chức tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo công khai, dân chủ theo đúng quy trình và bộ công cụ hướng dẫn của Trung ương. Xác định đúng đối tượng, không để bỏ sót, phản ánh đúng thực trạng đời sống của hộ nghèo, phân loại được các nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo nguyên nhân và nhu cầu trợ giúp làm cơ sở thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

- Tổ chức tốt các hoạt động truyền thông giảm nghèo; tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn đảm bảo theo đúng quy định.

## 2.2. Giải pháp

### 2.2.1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, sự điều hành, quản lý của các cấp chính quyền, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị từ thành phố đến phường, sự tham gia của người dân nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững. Lấy hiệu quả, kết quả thực hiện trên cơ sở chỉ tiêu, mục tiêu giảm nghèo và đưa mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ ở các địa phương, đơn vị.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo giảm nghèo từ thành phố đến phường, phát huy tinh thần trách nhiệm của Ban Chỉ đạo giảm để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

- Xây dựng Chương trình phối hợp ngành Lao động - Thương binh và Xã hội với Hội, đoàn thể các cấp để trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo tại địa phương; phân công đảng viên, đoàn viên, hội viên giúp đỡ từng hộ nghèo để vươn lên thoát nghèo. Đưa mục tiêu giảm nghèo vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể của địa phương.

- Tăng cường huy động các nguồn lực thông qua việc gắn mỗi tổ chức, mỗi cá nhân với một địa chỉ nhân đạo; vận động các tổ chức, cá nhân, cộng đồng để triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn; giao trách nhiệm cho các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị đỡ đầu khu phố có hộ nghèo; giúp đỡ, đỡ đầu hộ nghèo có địa chỉ để thoát nghèo.

- Quan tâm xây dựng cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở có đủ năng lực, trình độ và tâm huyết để thực hiện tốt nhiệm vụ. Hàng năm, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

### 2.2.2. Về công tác tuyên truyền

- Đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền về công tác giảm nghèo bền vững đến cơ quan, đơn vị, địa phương, các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo nhằm tạo chuyển biến về nhận thức, khơi dậy quyết tâm chủ động vươn lên của người nghèo; tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng, xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Tuyên truyền nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh giỏi, nhất là các mô hình chăn nuôi, trồng trọt, nhất là các mô hình áp dụng công nghệ sinh học, mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu ... trên các hệ thống loa truyền thanh cơ sở để giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo học tập và làm theo. Có chính sách khen thưởng đối với hộ nghèo điển hình trong việc thoát nghèo bền vững.

### 2.2.3. Về hỗ trợ các chính sách giảm nghèo

- Đa dạng hóa các nguồn vốn để triển khai thực hiện, gồm: nguồn vốn từ ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu; ngân sách địa phương; vốn tín dụng chính sách... để thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

- Tập trung hỗ trợ trong việc phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng công nghệ, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh để nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là người nghèo.

- Đổi mới và đẩy mạnh công tác dạy nghề, chuyển giao khoa học, công nghệ; gắn dạy nghề với vay vốn, giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp; dạy nghề theo nhu cầu sử dụng doanh nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong thời kỳ mới.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội như: dạy nghề, hỗ trợ vay vốn, tiền điện và các dịch vụ xã hội cơ bản như: BHYT, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo được thụ hưởng đầy đủ, kịp thời.

- Tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cùng chung tay góp sức tham gia thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tiếp tục huy động tốt Quỹ "Ngày vì người nghèo", tinh thần tương thân, tương ái trong cộng đồng, nhằm tạo ra nhiều nguồn lực để giúp đỡ, hỗ trợ cho các đối tượng xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo chính xác, công khai, dân chủ, theo đúng quy trình và bộ công cụ hướng dẫn của Trung ương nhằm xác định đúng đối tượng, tránh bỏ sót đối tượng, không chạy theo thành tích, phản ánh không đúng thực trạng đời sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo của từng địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá hoạt động giảm nghèo bền vững để kịp thời chấn chỉnh những sai sót trong quá trình thực hiện; tổng hợp và báo cáo kết quả theo đúng quy định. Phát huy vai trò giám sát của các cơ quan,

đơn vị như: Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân ở các cấp. Đưa nội dung giám sát các hoạt động giảm nghèo vào chương trình công tác hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

- UBND các phường thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nắm bắt thông tin, tình hình lao động sản xuất và đời sống đối với nhóm các hộ mới thoát nghèo để tư vấn, hỗ trợ kịp thời khi gặp khó khăn đột xuất, qua đó nhằm giảm thiểu tình trạng tái nghèo.

#### 2.2.4. Hỗ trợ hộ nghèo theo từng nhóm nguyên nhân nghèo

- *Nhóm hộ nghèo neo đơn đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội*: Đây là nhóm hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao trong tổng số toàn thành phố khó có khả năng thoát nghèo. Cần quan tâm thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo; vận động kêu gọi từ các nhà hảo tâm và cộng đồng doanh nghiệp đỡ đầu hộ nghèo để thoát nghèo.

- *Nhóm hộ nghèo có người đau ốm kinh niên, mắc các bệnh hiểm nghèo, mất sức lao động không có khả năng thoát nghèo*: Ngoài việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, thường xuyên chỉ đạo các hội, đoàn thể các cấp quan tâm giúp đỡ; vận động cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ giúp đỡ.

- *Nhóm hộ nghèo có khả năng lao động nhưng thiếu vốn sản xuất, thiếu việc làm*: Đây là nhóm hộ có khả năng thoát nghèo cao, cần tập trung hỗ trợ các nguồn vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội gắn với tập huấn khuyến nông - lâm - ngư, chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất giúp nhóm hộ này ổn định cuộc sống. Ngoài ra, lựa chọn những mô hình phát triển sản xuất vừa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương vừa có khả năng tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn, giúp nhóm hộ này an tâm sản xuất, phát triển kinh tế, vươn lên làm giàu thoát nghèo bền vững.

- *Nhóm hộ nghèo có khả năng lao động nhưng có tính ỷ lại, chây lười lao động, mắc các tệ nạn xã hội*: Đối với nhóm này, các cấp chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể cần tập trung nguồn nhân lực để tổ chức các đợt tuyên truyền sâu rộng, đồng thời chỉ đạo các địa phương phân công cán bộ, đảng viên có uy tín vận động, giúp đỡ nhằm thay đổi nhận thức; khuyến khích các hộ tham gia lao động sản xuất nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân và gia đình.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Giảm nghèo bền vững thành phố, tham mưu UBND thành phố chỉ đạo công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Trị, các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các phường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Đông Hà giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Đề án; tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện chính sách vay vốn

giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững hàng năm về UBND thành phố theo quy định; chịu trách nhiệm tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá hoạt động Đề án.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Trị, các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các phường đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chính sách vay vốn giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững đến tận cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người lao động và hộ nghèo nhằm nâng cao ý thức, hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng trong việc tham gia tìm kiếm việc làm, ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Trị hỗ trợ tín dụng để phát triển sản xuất; kiểm tra, giám sát nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm đối với người lao động và cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố, đảm bảo nguồn vốn vay đúng mục đích, đúng đối tượng.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ thành phố tổ chức tốt công tác khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện các nội dung Đề án tại hội nghị sơ kết, tổng kết.

- Phối hợp tham mưu thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho người nghèo như: dạy nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động cho người nghèo, y tế, tiền điện, giáo dục, tiếp cận thông tin...; tập huấn nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá hoạt động chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

## **2. Đề nghị Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh**

- Chủ trì, tham mưu UBND thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố.

- Thẩm định, tham mưu UBND thành phố phê duyệt cho vay và giải ngân các dự án cho vay để giải quyết việc làm kịp thời, đúng quy định.

- Triển khai cho vay đúng mục đích, đúng đối tượng, thu hồi nợ, kiểm tra, lập hồ sơ xử lý rủi ro theo đúng quy định; theo dõi, quản lý chặt chẽ nguồn vốn nhận ủy thác từ nguồn ngân sách thành phố. Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về công tác hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn theo đúng quy định.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách trên địa bàn, trong đó quan tâm chú trọng công tác giao khoán cho Tổ tiết kiệm và vay vốn đơn độc, xử lý thu hồi nợ đến hạn phân kỳ và kỳ cuối, hạn chế tối đa nợ quá hạn phát sinh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nguồn vốn vay đảm bảo đúng mục đích, đối tượng.

## **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố**

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu bố trí ngân sách thực hiện Đề án; đồng thời hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững theo quy định.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá việc sử dụng nguồn kinh phí vay vốn hỗ trợ giải quyết việc làm và giảm nghèo đúng mục đích, hiệu quả.

### **3. Phòng Kinh tế thành phố**

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến nông - lâm - ngư nghiệp và hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật, kiến thức vào sản xuất, nâng cao thu nhập cho các nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo.

### **4. Phòng Y tế thành phố**

- Tham mưu UBND thành phố giải pháp về chỉ số thiếu hụt đa chiều về y tế thông qua việc nâng cao khả năng tiếp cận của người dân, nhất là người nghèo, người cận nghèo trong dịch vụ khám, chữa bệnh.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án .

### **5. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố**

- Chủ trì thực hiện tốt chính sách hỗ trợ trong giáo dục, đào tạo đối với học sinh nghèo; thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tham mưu UBND thành phố về giải pháp giải quyết các chỉ số thiếu hụt đa chiều về giáo dục, thông qua việc tăng tỷ lệ trẻ em đến trường đúng độ tuổi theo từng cấp học, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

### **6. Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố**

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn, nhất là đối tượng người nghèo, người cận nghèo.

- Tham mưu UBND thành phố giải pháp về chỉ số thiếu hụt đa chiều như: sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin nhằm nâng cao đời sống tinh thần của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

### **7. Phòng Tư pháp thành phố**

- Chủ trì, phối hợp với UBND các phường thực hiện tốt chính sách trợ giúp pháp lý; phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực giảm nghèo cho mọi người dân, nhất là người nghèo, người cận nghèo trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

### **8. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất các giải pháp nâng cao nhận thức cộng đồng về sử dụng hợp lý, có hiệu quả và tiết kiệm tài

nguyên đất phục vụ cho sản xuất, nâng cao đời sống của người dân. Phối hợp thực hiện tốt công tác miễn giảm thuế đất cho hộ nghèo trên địa bàn.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

### **9. Phòng Nội vụ thành phố**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện tốt các chính sách thu hút cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo ở các phường.

- Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, tham mưu đề xuất UBND thành phố khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Đề án.

### **10. Trung tâm Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao thành phố**

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan làm tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững; tuyên truyền những mô hình phát triển sản xuất và giảm nghèo có hiệu quả ở địa phương để người dân học tập kinh nghiệm và thực hiện.

### **11. Chi cục Thống kê thành phố**

Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố, Ban Chỉ đạo Giảm nghèo bền vững thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức điều tra mức sống hộ gia đình hàng năm; điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố theo đúng quy định.

### **12. UBND các phường**

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 tại địa phương và Kế hoạch cụ thể hàng năm; đề ra mục tiêu, nhóm giải pháp cụ thể nhằm chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nguồn vốn vay đúng mục đích; các chính sách giảm nghèo cụ thể cho từng địa bàn, từng nhóm hộ nghèo và nguyên nhân nghèo.

- Thực hiện tốt, kịp thời các chính sách hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo như: BHYT, tiền điện, nhà ở, vay vốn...

- Tổ chức điều tra, rà soát đánh giá đúng thực trạng nghèo của địa phương; phân loại đối tượng, nguyên nhân nghèo để có giải pháp phù hợp. Quản lý, theo dõi hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ tái nghèo. Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch cụ thể cho cả giai đoạn và từng năm, đề ra các giải pháp hỗ trợ phù hợp đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Hàng năm, tổ chức hội nghị đánh giá kết quả thực hiện công tác giảm nghèo bền vững; khen thưởng kịp thời đối với tập thể, cá nhân, hộ nghèo, hộ thoát nghèo có thành tích trong công tác giảm nghèo bền vững ở địa phương theo quy định.

- Chỉ đạo các Khu phố trưởng họp, các bình xét, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nguồn vốn cho vay. Giới thiệu các mô hình làm ăn hiệu quả, có tính

nhân rộng trên địa bàn, ưu tiên các dự án áp dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật tiên tiến, bảo vệ môi trường.

### **13. Đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh**

Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các phường thực hiện tốt việc cấp đúng, đủ, kịp thời thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

### **14. Đề nghị UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố**

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các chính sách hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm giảm nghèo bền vững; vận động các hội viên, đoàn viên và toàn dân, các tổ chức, doanh nghiệp hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động "Ngày vì người nghèo", "Lá lành đùm lá rách"... Tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đạt được, tích cực giúp đỡ hội viên, đoàn viên và người nghèo; đỡ đầu hộ nghèo có địa chỉ để họ vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Chủ động, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Đề án; kiểm tra, giám sát các hoạt động thực hiện chính sách, dự án về giảm nghèo trên địa bàn thành phố.

- Chỉ đạo Hội, đoàn thể nhận ủy thác cấp phường, Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn nâng cao chất lượng trong công tác kiểm tra, kiểm soát hồ sơ vay vốn của khách hàng: phần nội dung mục đích sử dụng vốn vay sát đúng với thực tế sử dụng vốn vay của hộ vay, lý do hộ vay gia hạn nợ.

- Chủ động bám sát và thực hiện có hiệu quả các giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách trên địa bàn, trong đó quan tâm chú trọng công tác giao khoán cho Tổ tiết kiệm và vay vốn đơn đốc, xử lý thu hồi nợ đến hạn phân kỳ và kỳ cuối, hạn chế tối đa nợ quá hạn phát sinh. Đặc biệt, tập trung chỉ đạo và giao khoán chỉ tiêu giảm nợ quá hạn và nợ đến hạn đối với các phường chất lượng tín dụng thấp, các Hội, đoàn thể phường có tỷ lệ nợ quá hạn trên 1%.

- Tiếp tục rà soát kiện toàn các Tổ tiết kiệm và vay vốn hoạt động không có hiệu quả, không thực hiện đúng cam kết sau khi được giao khoán hàng tháng, để hộ vay bỏ đi khỏi địa phương, hoặc bán nhà mà không nắm bắt thông tin kịp thời.

## **Phần IV**

### **KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

Việc xây dựng Đề án vay vốn giải quyết việc làm và giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Đông Hà có ý nghĩa hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Vì vậy, để công tác vay vốn giải quyết việc làm và chương trình mục tiêu giảm nghèo ngày càng được hoàn

thiện và triển khai có hiệu quả, UBND thành phố kính đề xuất HĐND thành phố, UBND tỉnh một số vấn đề sau:

### 1. Đối với Trung ương

- Đề nghị UBND tỉnh đề xuất với Trung ương hoàn thiện cơ chế, chính sách giảm nghèo để thực hiện công tác giảm nghèo nhanh và bền vững.

- Cần xem xét điều chỉnh: Hạn chế các chính sách hỗ trợ toàn phần, tăng chính sách hỗ trợ có điều kiện, có hoàn trả; giảm dần các chính sách hỗ trợ mang tính trợ cấp, tăng cường các chính sách khuyến khích tính chủ động, vươn lên của người nghèo, cần mở rộng chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để đảm bảo giảm nghèo bền vững.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa đổi tiếp cận đa chiều và chỉ số phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; đồng thời đảm bảo được sự thống nhất, đồng bộ trong triển khai thực hiện.

### 2. Đối với HĐND thành phố

Đề nghị HĐND thành phố quan tâm xem xét, quyết nghị thông qua Nghị quyết Đề án hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 để UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện.

Trên đây là Đề án hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Đông Hà, UBND thành phố yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các phường căn cứ chức năng nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện Đề án hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Đông Hà có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội - cơ quan Thường trực tổng hợp báo cáo UBND thành phố để có hướng giải quyết./.

#### Nơi nhận:

- TT Thành ủy, TT HĐND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Các Ban Đảng và Văn phòng Thành ủy;
- Ban KT-XH, Ban Pháp chế HĐND thành phố;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các phường;
- CVP, PCVP, CVVP;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tăng



**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG  
GIAI ĐOẠN 2016 -2020**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Cộng
<b>I</b>	<b>Các chính sách hỗ trợ đối với hộ nghèo, cận nghèo</b>							
<b>1</b>	<b>Chính sách dạy nghề</b>							
	- Số lớp:	Lớp	17	10	14	11	14	66
	- Số người:	Người	216	196	330	236	317	1295
<b>2</b>	<b>Công tác giải quyết việc làm</b>							
	- Giải quyết việc làm trong tỉnh	Người	1,339	1,342	1,431	1,401	1,392	6,905
	- Việc làm ngoài tỉnh	Người	387	374	327	343	250	1,681
	- Xuất khẩu lao động	Người	64	86	89	94	63	396
<b>3</b>	<b>Chính sách cấp thẻ BHYT cho người nghèo, người cận nghèo</b>							<b>28,959</b>
	- Số người nghèo được cấp thẻ BHYT	Lượt người	3,353	2,903	3,496	1,806	1,502	13,060
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	2,157	1,947	1,620	1,384	1,192	8,299
	- Số người cận nghèo được cấp thẻ BHYT	Lượt người	7,678	6,911	7,597	6,061	5,782	34,029
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	2,648	3,454	3,501	6,444	4,612	20,660
<b>4</b>	<b>Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo</b>							<b>2,039</b>
	- Số hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện	Lượt hộ	1,066	947	962	596	497	4,068
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	587	470	382	323	277	2,039
<b>5</b>	<b>Chính sách hỗ trợ vay vốn đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo</b>							<b>240,704</b>
<b>5.1</b>	<b>Đối với hộ nghèo</b>							<b>28,225</b>
	- Số lượt hộ vay	Lượt hộ	293	169	182	133	113	890
	- Doanh số cho vay	Triệu đồng	1,325	7,411	8,378	6,116	4,995	28,225
	- Dự nợ	Triệu đồng	37,579	33,084	28,043	22,188	8,649	8,649
<b>5.2</b>	<b>Đối với hộ cận nghèo</b>							<b>128,581</b>
	- Số lượt hộ vay	Lượt hộ	472	478	599	682	586	2,817
	- Doanh số cho vay	Triệu đồng	21,799.0	22,135.0	27,659	30,922	26,066	128,581
	- Dự nợ	Triệu đồng	67,536	68,194	66,454	68,761	22,095	22,095

5.3	<b>Đối với hộ thoát nghèo</b>											
	- Số lượt hộ vay	Lượt hộ	311	197	331	266		389			68,575	
	- Doanh số cho vay	Triệu đồng	14,375	8,956	15,131	12,157		17,956			1,494	
	- Dư nợ	Triệu đồng	19,006	24,725	33,955	35,349		12,041			68,575	
5.4	<b>Đối với học sinh, sinh viên</b>											
	- Số HSSV được hỗ trợ vay	Lượt HS	97	82	53	73		53			14,939	
	- Doanh số cho vay	Triệu đồng	3,430	2,514	2,399	2,509		4,087			358	
	- Dư nợ	Triệu đồng	39,302	30,182	22,826	17,405		5,887			14,939	
5.5	<b>Vay vốn xuất khẩu lao động</b>											
	- Số lượt hộ vay	Lượt hộ	0	1	3	2		1			384	
	- Doanh số cho vay	Triệu đồng	0	50	150	100		84			7	
	- Dư nợ	Triệu đồng	50	100	198	250		98			384	
<b>6</b>	<b>Hỗ trợ giáo dục - đào tạo cho con hộ nghèo, cận nghèo</b>											<b>12,116</b>
6.1	<b>Hỗ trợ miễn giảm học phí cho con hộ nghèo, hộ cận nghèo</b>	Lượt HS	-	2,364	1,104	1,039		987			5,494	
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	-	713	713	7,878		748			10,052	
6.2	<b>Hỗ trợ chi phí học tập cho con hộ nghèo</b>	Lượt HS	-	1,738	554	465		442			3,199	
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	-	776	478	416		395			2,064	

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN HỖ TRỢ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM  
CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 VÀ 02 ĐẦU NĂM 2021**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	02 tháng 2021	Cộng
<b>I</b>	<b>NV Quỹ QG VL</b>	0	0	0	500	0	0	0	500
1	Doanh số cho vay (Triệu đồng)	3,020	3,268	3,116	3,410	4,929	4,167	600	22,510
2	Số lượt khách hàng vay	87	95	85	72	111	105	12	567
3	Dư nợ (Triệu đồng)	8,524	8,524	8,480	8,954	8,929	8,979	8,948	8,948
<b>II</b>	<b>NV NHCSXH Huy động</b>	0	0	0	3,000	4,900	2,900	0	10,800
1	Doanh số cho vay (Triệu đồng)	0	0	0	2,980	5,510	5,185	495	14,170
2	Số lượt khách hàng vay	0	0	0	60	113	121	10	304
3	Dư nợ (Triệu đồng)	0	0	0	2,975	7,839	10,720	10,690	10,690
<b>III</b>	<b>Ngân sách Tỉnh</b>	650	1,000	1,200	3,200	1,500	1,900	500	9,950
1	Doanh số cho vay (Triệu đồng)	650	963	2,080	4,590	4,785	5,684	1,370	20,122
2	Số lượt khách hàng vay	22	35	52	95	105	137	28	474
3	Dư nợ (Triệu đồng)	1,300	2,264	3,428	6,694	8,142	10,042	10,475	10,745
<b>IV</b>	<b>Ngân sách thành phố</b>	200	200	400	400	500	500	600	2,800
1	Doanh số cho vay (Triệu đồng)	200	200	400	600	1,170	1,075	815	4,460
2	Số lượt khách hàng vay	4	4	8	12	26	27	18	99
3	Dư nợ (Triệu đồng)	200	400	800	1,200	1,700	2,248	2,848	2,848
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>850</b>	<b>1,200</b>	<b>1,600</b>	<b>7,100</b>	<b>6,900</b>	<b>5,300</b>	<b>1,100</b>	<b>24,050</b>

**BẢNG TỔNG HỢP HỘ NGHÈO THIẾU HỤT CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CUỐI NĂM 2020**

TT	Khu vực/địa bàn	Tổng số hộ nghèo cuối 2020	Trong đó số hộ nghèo thiếu hụt các chi số										Tỷ lệ thiếu hụt các chi số so với tổng số hộ nghèo									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Phường 1	71	3	6	11	3	17	3	2	10	16	7	4,23	8,45	15,49	4,23	23,94	4,23	2,82	14,08	22,54	9,86
2	Phường 2	27	3	16	4	2	4	1	3	6	2	0	11,11	59,26	14,81	7,41	14,81	3,70	11,11	22,22	7,41	-
3	Phường 3	33	3	24	0	1	12	7	0	6	4	5	9,09	72,73	-	3,03	36,36	21,21	-	18,18	12,12	15,15
4	Phường 4	51	0	51	27	1	4	4	1	23	5	0	-	100,00	52,94	1,96	7,84	7,84	1,96	45,10	9,80	-
5	Phường 5	78	4	26	7	3	16	31	1	2	11	13	5,13	33,33	8,97	3,85	20,51	39,74	1,28	2,56	14,10	16,67
6	Đông Thanh	22	0	10	0	0	0	0	0	0	14	0	-	45,45	-	-	-	-	-	-	63,64	-
7	Đông Giang	26	5	11	1	1	3	9	0	2	10	4	19,23	42,31	3,85	3,85	11,54	34,62	-	7,69	38,46	15,38
8	Đông Lễ	58	13	32	2	0	3	5	0	4	8	3	22,41	55,17	3,45	-	5,17	8,62	-	6,90	13,79	5,17
9	Đông Lương	63	9	26	2	1	30	16	1	21	22	15	14,29	41,27	3,17	1,59	47,62	25,40	1,59	33,33	34,92	23,81
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>429</b>	<b>40</b>	<b>202</b>	<b>54</b>	<b>12</b>	<b>89</b>	<b>76</b>	<b>8</b>	<b>74</b>	<b>92</b>	<b>47</b>	<b>9,32</b>	<b>47,09</b>	<b>12,59</b>	<b>2,80</b>	<b>20,75</b>	<b>17,72</b>	<b>1,86</b>	<b>17,25</b>	<b>21,45</b>	<b>10,96</b>

Chi chú:	1: Tiếp cận dịch vụ y tế	3: Trình độ giáo dục người lớn	5: Chất lượng nhà ở	7: Nguồn nước sinh hoạt	9: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Bảo hiểm y tế	4: Tình trạng đi học của trẻ em	6: Diện tích nhà ở	8: Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh	10: Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin

**BẢNG TỔNG HỢP HỘ CẬN NGHÈO THIẾU HỤT CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CUỐI NĂM 2020**

TT	Khu vực/địa bàn	Tổng số hộ cận nghèo cuối 2020	Trong đó số hộ cận nghèo thiếu hụt các chỉ số										Tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số so với tổng số hộ cận nghèo									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Phường 1	352	10	40	9	1	12	16	0	2	14	11	2.84	11.36	2.56	0.28	3.41	4.55	-	0.57	3.98	3.13
2	Phường 2	82	7	39	3	0	5	6	0	6	10	3	8.54	47.56	3.66	-	6.10	7.32	-	7.32	12.20	3.66
3	Phường 3	130	9	102	2	3	23	12	1	4	0	1	6.92	78.46	1.54	2.31	17.69	9.23	0.77	3.08	-	0.77
4	Phường 4	209	0	209	51	0	0	0	0	33	0	0	-	100.00	24.40	-	-	-	-	15.79	-	-
5	Phường 5	367	1	53	11	3	8	20	3	4	5	8	0.27	14.44	3.00	0.82	2.18	5.45	0.82	1.09	1.36	2.18
6	Đông Thanh	43	0	43	0	0	0	0	0	0	0	0	-	100.00	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Đông Giang	78	6	27	1	0	6	12	0	2	10	1	7.69	34.62	1.28	-	7.69	15.38	-	2.56	12.82	1.28
8	Đông Lễ	145	1	144	0	0	2	2	0	0	1	0	0.69	99.31	-	-	1.38	1.38	-	-	0.69	-
9	Đông Lương	161	12	66	1	0	32	24	1	11	10	4	7.45	40.99	0.62	-	19.88	14.91	0.62	6.83	6.21	2.48
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>1,567</b>	<b>46</b>	<b>723</b>	<b>78</b>	<b>7</b>	<b>88</b>	<b>92</b>	<b>5</b>	<b>62</b>	<b>50</b>	<b>28</b>	<b>2.94</b>	<b>46.14</b>	<b>4.98</b>	<b>0.45</b>	<b>5.62</b>	<b>5.87</b>	<b>0.32</b>	<b>3.96</b>	<b>3.19</b>	<b>1.79</b>

Ghi chú:	1: Tiếp cận dịch vụ y tế	3: Trình độ giáo dục người lớn	5: Chất lượng nhà ở	7: Nguồn nước sinh hoạt	9: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Bảo hiểm y tế	4: Tình trạng đi học của trẻ em	6: Diện tích nhà ở	8: Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh	10: Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT CÁC NGUỒN VỐN HỖ TRỢ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM  
CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

	Chỉ tiêu	Dự kiến năm 2021	Dự kiến năm 2022	Dự kiến năm 2023	Dự kiến năm 2024	Dự kiến năm 2025	Cộng
<b>I</b>	<b>Đối với người lao động</b>						
	<b>Doanh số cho vay (Triệu đồng)</b>	<b>11,800</b>	<b>13,900</b>	<b>15,300</b>	<b>18,400</b>	<b>21,800</b>	<b>81,200</b>
	- Ngân sách Trung ương	3,000	3,500	3,800	5,000	6,000	21,300
	- Nguồn huy động	5,000	5,500	5,800	6,500	7,000	29,800
	- Ngân sách Tỉnh	3,000	3,500	3,600	4,000	5,000	19,100
	- Ngân sách thành phố	800	1,400	2,100	2,900	3,800	11,000
	<b>Số lượt khách hàng vay</b>	<b>118</b>	<b>139</b>	<b>153</b>	<b>184</b>	<b>218</b>	<b>812</b>
	<b>Dư nợ (Triệu đồng)</b>	<b>38,000</b>	<b>42,200</b>	<b>47,800</b>	<b>54,800</b>	<b>64,000</b>	<b>64,000</b>
	<b>Số khách hàng còn dư nợ</b>	<b>950</b>	<b>1,055</b>	<b>1,195</b>	<b>1,370</b>	<b>1,600</b>	<b>1,330</b>
<b>II</b>	<b>Cơ sở sản xuất kinh doanh</b>						
	<b>Doanh số cho vay (Triệu đồng)</b>	<b>800</b>	<b>1,000</b>	<b>1,200</b>	<b>1,700</b>	<b>2,100</b>	<b>6,800</b>
	- Ngân sách Trung ương	200	400	400	600	600	2,200
	- Nguồn huy động	200	200	300	400	500	1,600
	- Ngân sách Tỉnh	200	200	300	400	500	1,600
	- Ngân sách thành phố	200	200	200	300	500	1,400
	<b>Số cơ sở vay</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>9</b>	<b>11</b>	<b>34</b>
	<b>Dư nợ (Triệu đồng)</b>	<b>1,200</b>	<b>1,600</b>	<b>2,400</b>	<b>3,800</b>	<b>5,000</b>	<b>5,000</b>
	<b>Số cơ sở còn dư nợ</b>	<b>4</b>	<b>11</b>	<b>17</b>	<b>23</b>	<b>30</b>	<b>30</b>
	<b>Tổng cộng doanh số cho vay</b>	<b>12,600</b>	<b>14,900</b>	<b>16,500</b>	<b>20,100</b>	<b>23,900</b>	<b>88,000</b>
	- Ngân sách Trung ương	3,200	3,900	4,200	5,600	6,600	23,500
	- Nguồn huy động	5,200	5,700	6,100	6,900	7,500	31,400
	- Ngân sách Tỉnh	3,200	3,700	3,900	4,400	5,500	20,700
	- Ngân sách thành phố	1,000	1,600	2,300	3,200	4,300	12,400
	<b>Dư nợ (Triệu đồng)</b>	<b>39,200</b>	<b>43,800</b>	<b>50,200</b>	<b>58,600</b>	<b>69,000</b>	<b>69,000</b>

**BẢNG CHI TIẾT THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIÁM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 -2025**

*(Nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Dự kiến năm 2021	Dự kiến năm 2022	Dự kiến năm 2023	Dự kiến năm 2024	Dự kiến năm 2025	Cộng
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ vay vốn đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, HSSV, XKLD</b>							<b>957,500</b>
1.1	- Hỗ trợ vay vốn đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo (100 triệu đồng/hộ)	Lượt hộ	500	600	400	300	200	2,000
	- Kinh phí thực hiện:	Triệu đồng	50,000	60,000	40,000	30,000	20,000	200,000
1.2	- Hỗ trợ vay vốn hộ cận nghèo (100 triệu đồng/hộ)	Lượt hộ	1,200	1,500	1,300	1,100	900	6,000
	- Kinh phí thực hiện:	Triệu đồng	120,000	150,000	130,000	110,000	90,000	600,000
1.3	- Hỗ trợ vay vốn hộ thoát nghèo (100 triệu đồng/hộ)	Lượt hộ	200	350	250	190	150	1,140
	- Kinh phí thực hiện:	Triệu đồng	20,000	35,000	25,000	19,000	15,000	114,000
1.4	Hỗ trợ vay vốn đối với HSSV	Lượt hộ	250	400	300	200	110	1,260
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	6,250	10,000	7,500	5,000	2,750	31,500
1.5	Hỗ trợ vay vốn XKLD	Lượt hộ	20	40	30	20	10	120
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	2000	4000	3000	2000	1000	12,000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ về giáo dục</b>							<b>8,730</b>
2.1	- Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh con hộ nghèo	Lượt hộ	700	1300	1100	1000	900	5000
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	630	1,170	990	900	810	4,500
2.2	- Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh con hộ cận nghèo	Lượt hộ	600	800	700	500	400	3,000
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	270	360	315	225	180	1,350
2.3	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo thuộc diện hộ nghèo	Lượt hộ	300	600	500	300	300	2,000
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	432	864	720	432	432	2,880
<b>3</b>	<b>Hỗ trợ bảo hiểm y tế</b>							<b>35,402</b>
	- Số người nghèo được hỗ trợ	Lượt người	1,200	2,500	2,000	1,700	1,600	9,000
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	966	2,012	1,609	1,368	1,287	7,241
	- Số người cận nghèo được hỗ trợ	Lượt người	5300	9000	8000	6700	6000	35,000
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	4,264	7,241	6,437	5,391	4,828	28,161
<b>4</b>	<b>Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo</b>							<b>2,098</b>
	- Số hộ nghèo được hỗ trợ	Lượt hộ	500	1100	900	700	600	3800
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	276	607.2	496.8	386.4	331.2	2,098
	<b>Tổng cộng: (1+2+3+4)</b>							<b>1,003,730</b>

## BẢNG CHI TIẾT THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 -2025

(Nguồn ngân sách thành phố)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Dự kiến năm 2021	Dự kiến năm 2022	Dự kiến năm 2023	Dự kiến năm 2024	Dự kiến năm 2025	Cộng
I	Các chính sách hỗ trợ đối với hộ nghèo, cận nghèo							2,064.50
1	Hỗ trợ dạy nghề cho hộ nghèo, hộ cận nghèo							936
	- Số lớp:	Lớp	4	4	4	4	4	20
	- Số người:	Người	120	120	120	120	120	600
	- Kinh phí thực hiện:							
	+ Hỗ trợ tiền ăn (660.000đ/người/khóa học):	Triệu đồng	79.2	79.2	79.2	79.2	79.2	396
	+ Hỗ trợ tiền học (900.000đ/người/khóa học)	Triệu đồng	108	108	108	108	108	540
2	Tập huấn khoa học kỹ thuật cho hộ nghèo, hộ cận nghèo							981
	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo	hộ	1,400	1,200	1,100	1,000	900	5,600
	- Tiền ăn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo	Triệu đồng	210	180	165	150	135	840
	- Thuê hội trường	Triệu đồng	1	1	1	1	1	5
	- Báo cáo viên	Triệu đồng	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6	3
	- Pho to tài liệu tập huấn	Triệu đồng	3.15	2.7	2.475	2.25	2.025	12.6
	- Văn phòng phẩm	Triệu đồng	2.1	1.8	1.65	1.5	1.35	8.4
	- Nước uống	Triệu đồng	28	24	22	20	18	112
3	Hỗ trợ hộ nghèo tham gia xuất khẩu lao động							147.5
	- Số hộ nghèo được hỗ trợ	Hộ	5	5	5	5	5	25
	- Kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng	0.0	29.5	29.5	29.5	29.5	148
II	Truyền thông giảm nghèo:							1,143
I	Đổi thoại giảm nghèo							1,088
	- Số lớp	hộ	9	9	9	9	9	45
	- Số người, trong đó: hộ nghèo, hộ cận nghèo		1,400	1,200	1,100	1,000	900	5,600
	Khu phố trưởng (62 khu phố; cán bộ giảm nghèo)		66	66	66	66	66	330
	Kinh phí thực hiện:							
	- Tiền ăn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo	Triệu đồng	210	180	165	150	135	840



	- Tiền ăn cho Khu phố trưởng (62 KP và cán bộ GN)	Triệu đồng	9.9	9.9	9.9	9.9	9.9	9.9	49.5
	- Thuê hội trường	Triệu đồng	1	1	1	1	1	1	5
	- Báo cáo viên	Triệu đồng	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6	3
	- Pho to tài liệu tập huấn	Triệu đồng	3.15	2.7	2.475	2.25	2.025	2.025	12.6
	- Văn phòng phẩm	Triệu đồng	14.7	12.7	11.7	10.7	9.7	9.7	59.3
	- Nước uống	Triệu đồng	29.3	25.3	23.3	21.3	19.3	19.3	118.6
<b>2</b>	<b>Bảng rôn tuyên truyền</b>								<b>54.9</b>
	- In tờ rơi tuyên truyền	Tờ	2000	1500	1000	0	0	0	4500
	Kinh phí thực hiện:	Triệu đồng	14	10.5	7	0	0	0	31.5
	- Làm băng, đĩa tuyên truyền	Cái	9	9	9	0	0	0	27
	Kinh phí thực hiện (200.000đ/cái):	Triệu đồng	1.8	1.8	1.8	0	0	0	5.4
	- Viết bài, đưa tin về chính sách giảm nghèo		3	2	2	1	1	1	9
	Kinh phí thực hiện (2000.000đ/bài):		6	4	4	2	2	2	18
<b>III</b>	<b>Tập huấn Nâng cao năng lực giảm nghèo</b>								<b>65.25</b>
	- Số lớp		1	1	1	1	1	1	5
	- Số người		145	145	145	145	145	145	725
	Kinh phí thực hiện								
	+ Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương	Triệu đồng	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	24.8
	+ Hội trường	Triệu đồng	2	2	2	2	2	2	10
	+ Báo cáo viên	Triệu đồng	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3	1.5
	+ Pho to tài liệu	Triệu đồng	2.9	2.9	2.9	2.9	2.9	2.9	14.5
	+ VPP, nước uống	Triệu đồng	2.9	2.9	2.9	2.9	2.9	2.9	14.5
<b>IV</b>	<b>Kiểm tra, đánh giá, giám sát</b>								<b>162.1</b>
	- Số cuộc kiểm tra	Cuộc	9	9	9	9	9	9	45
	- Kinh phí thực hiện:								162.1
	+ Phò to phiếu điều tra	Tờ	200	180	160	150	130	130	820
	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	1	0.9	0.8	0.75	0.65	0.65	4.1
	+ Công tác phí cho Ban Chỉ đạo giảm nghèo và cán bộ phụ trách đi kiểm tra	Người	22	22	22	22	22	22	110
	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	33	22	16.5	16.5	33	33	121
	+ Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo cung cấp thông tin trong quá trình khảo sát	hộ	200	150	130	120	140	140	740



